

Số: 28 /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời hạn sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3280/TTr-STC ngày 08 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

2. Các tài sản cố định khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính phần thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các



tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước (gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù

1. Tài sản cố định vô hình: Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (Phụ lục 1 kèm theo).

2. Tài sản cố định đặc thù: Danh mục tài sản cố định đặc thù (Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và đề xuất với Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản được quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này để thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
 - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS.
- ThaiTM (50bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{ucx}

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

**DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
Loại 1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác	25	4
2	Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác	25	4
3	Tác phẩm báo chí	25	4
4	Tác phẩm âm nhạc	25	4
5	Tác phẩm sân khấu	25	4
6	Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự	25	4
7	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng	25	4
8	Tác phẩm nhiếp ảnh	25	4
9	Tác phẩm kiến trúc	25	4
10	Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học	25	4
11	Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian	25	4
12	Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu	5	20
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Sáng chế	20	5
2	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
3	Thiết kế bố trí	10	10
4	Nhãn hiệu	10	10
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		



1	Cây trồng thuộc loài thân gỗ và cây nhỏ	25	4
2	Cây trồng khác	20	5
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	10	10



Phụ lục II

DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Danh mục tài sản
Loại 1	Di tích được xếp hạng
1	Di tích cấp quốc gia đặc biệt
2	Di tích cấp quốc gia
3	Di tích cấp tỉnh
Loại 2	Hiện vật trưng bày
1	Di vật
2	Cổ vật
3	Bảo vật quốc gia